

CATHOLIC BELIEF - 6

TÍN LÝ CÔNG GIÁO - 6

Archdiocese of Galveston-Houston
 LoiNhapThe Theological Institute
 Instructor: Paul Pham
 713-398-1554
 giaolygh@gmail.com
 Website: <http://evangelization.space>

Sa ngã

Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa đã làm ra. Nó nói với người đàn bà: "Có thật Thiên Chúa bảo: 'Các ngươi không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?'" ²Người đàn bà nói với con rắn: "Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn. ³Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: 'Các ngươi không được ăn, không được động tới, kéo phải chết.'" ⁴Rắn nói với người đàn bà: "Chẳng chết chóc gì đâu!" ⁵"Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác." ⁶Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn. ⁷Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khó che thân.

Xin Cho Con Biết Lắng Nghe

1. Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con trong đêm tối.
Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con lúc lẻ loi.
Xin cho con cất tiếng lên trả lời vừa khi con nghe Chúa.
Xin cho con biết thân thưa: Lạy Ngài Ngài muốn con làm chi.

ĐK : *Lời Ngài là sức sống của con. Lời Ngài là ánh sáng đời con.
Lời Ngài làm chứa chan hy vọng, là đường để con hằng dõi bước.
Lời Ngài đượm chất ngọt niềm vui, trọn vẹn ngàn tiếng hát đầy vui.
Lời Ngài đổi mới cho cuộc đời. Lời Ngài hạnh phúc cho trần ai.*

2. Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài dạy con trong cuộc sống.
Xin cho con biết lắng nghe lời Ngài từng theo bước đời con.
Xin cho con biết sẵn sàng chờ đợi và vâng nghe theo Chúa.
Xin cho con biết sẵn sàng thực hành Lời Chúa đã truyền ban.

Small Group Discussion

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Is God unfair to make us suffered by the Original Sin? Why? ▣ What are the first three things that come to your mind when you hear the word sin? | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Có phải Thiên Chúa bất công khi bắt chúng ta phải chịu tội Tổ Tông không? Tại sao? ▣ Khi nghe từ ‘tội lỗi’ bạn nghĩ đến ba điều gì trước nhất? |
|---|---|

Creation of Humans (Gen 1:26-31)

Tạo Dựng Con Người

Man occupies a unique place in creation:

- ▣ he is created "in the image of God";
- ▣ in his own nature he unites the spiritual and material worlds;
- ▣ he is created "male and female";
- ▣ God established him in his friendship (355).

Con người giữ một địa vị độc nhất trong chương trình tạo dựng vì:

- ▣ Được dựng nên “theo hình ảnh của Thiên Chúa”;
- ▣ Trong chính bản tính của họ, họ kết hợp thể giới thiêng liêng với thể giới vật chất;
- ▣ Thiên Chúa dựng nên họ “có nam có nữ”;
- ▣ Thiên Chúa đã thiết lập tình bằng hữu với họ (355).

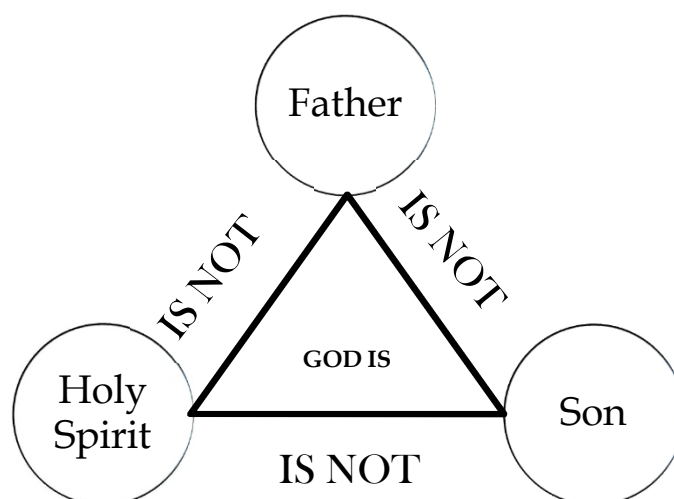
Image of God (356-361)

Hình Ảnh Thiên Chúa

- God created everything for man,
- but man in turn was created to serve and love God and to offer all creation back to him.
- In reality it is only in the mystery of the Word made flesh that the mystery of man truly becomes clear.

- Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự cho con người,
- Còn con người được tạo dựng để phụng sự và yêu mến Thiên Chúa và dâng hiến mọi thụ tạo lại cho Ngài.
- Thực ra chỉ trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập thể mà mầu nhiệm về con người mới thật sự được trở nên rõ ràng.

The Dogma of the Trinity Tín Điều Chúa Ba Ngôi



Implications for Theological Anthropology Các ám chỉ về Nhân Chứng Thần Học

- | | |
|---|--|
| 1. Mutuality (cooperative sharing) | 1. Tính Hỗ Tương (hợp tác chia sẻ với nhau) |
| 2. Fidelity (to the point of death on the cross) | 2. Tính Chung Thủy (đến độ chết trên thập giá) |
| 3. Unity | 3. Tính Hợp Nhất |
| 4. Differentiation | 4. Tính khác biệt |
| 5. Love | 5. Tình Yêu |
| 6. Reciprocity | 6. Tính nhân nhượng – Tương trợ |
| 7. Generative (all creation flows from communion of the persons of the Trinity) | 7. Tính Sinh Sản (mọi thụ tạo phát sinh từ sự hiệp thông của các Ngôi của Ba Ngôi) |

Foundational Principle of Sexual Morality Nguyên tắc Nền Tảng của Luân Lý Phái Tính

The human person is an embodied subject.

- ▣ Subject
- ▣ Embodied
- ▣ The body is not a prison or receptacle for the soul. We don't have bodies. We are bodies. Unity of Body and Soul.
- ▣ Love and affection conveyed by language and expressions.

Con người là một chủ thể có thân xác.

- Chủ thể
- Có thân xác
- Thân xác không phải là một nhà tù hay nơi chứa đựng linh hồn. Chúng ta không có thân xác. Chúng ta là thân xác. Sự hợp nhất của thân xác và linh hồn.
- Tình yêu và tình cảm được truyền bằng ngôn ngữ và cách diễn tả.

Embodied Subject – Chủ Thể có Thân Xác

- ▣ We experience the world through our bodies.
- ▣ Our soul too experiences the world through our bodies.

- Chúng ta kinh nghiệm thế giới qua thân xác.
- Linh hồn chúng ta cũng kinh nghiệm thế giới qua thân xác chúng ta.

Soul – Linh Hồn

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Our soul is the spiritual aspect of human beings. ▣ It is the spiritual principle that animates our spiritual life and truly makes us human. ▣ Our soul is immortal and is not separated from our bodies. (except at death where it will be reunited with our bodies in the final resurrection) | <ul style="list-style-type: none"> • Linh hồn là bình diện thiêng liêng của con người. • Nó là nguyên tắc tâm linh sinh động hóa đời sống thiêng liêng của ta và làm cho ta thật sự là người. • Linh hồn ta bất tử và không tách rời thân xác ta. (trừ khi chết, nó sẽ tái kết hợp với thân xác trong cuộc sống lại sau hết) |
|---|--|

Sanctity of the Body – Sự thánh thiêng của Thân Xác

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ God intended for us to be body and soul. ▣ Our bodies therefore are good. ▣ Divine became human ▣ Temples of divine life ▣ Dwelling place of Holy Spirit | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Thiên Chúa có ý cho chúng ta có xác và hồn. ▣ Cho nên thân xác chúng ta là tốt lành. ▣ Thiên Chúa làm người ▣ Đền Thờ của sự sống Thiên Chúa (thần linh). ▣ Nơi cư ngụ của Chúa Thánh Thần |
|--|--|

Sexuality – Giới Tính

Sexuality

- ▣ Sexuality is not the same as sexual activity
- ▣ We are all sexual beings, whether we engage in genital sexual activity or not
- ▣ Sexuality is an inherent component of all human relationships
- ▣ Chastity is, in part, successful and healthy integration of our sexuality into how we relate to others

Giới Tính

- Giới tính không phải cũng giống như các hành vi tính dục
- Tất cả chúng ta đều là những hữu thể có giới tính, dù chúng ta có tham gia vào các hành vi tính dục hay không.
- Giới tính là một thành phần cố hữu của tất cả mọi mối liên hệ của con người
- Về phần nó, đức khiết tịnh là việc dung hợp thành công và lành mạnh giới tính của chúng ta vào việc chúng ta liên hệ với người khác thế nào.

Man in Paradise (374-379) Con Người trong Vườn Địa Đàng

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ The first man was created in an original “<i>state of holiness and justice</i>”, was “to share in. . . divine life”. ▣ As long as he remained in the divine intimacy, man would not have to suffer or die. ▣ They lived in harmony with each other and all creation. ▣ The “mastery” over the world that God offered man from the beginning was realized above all within man himself: <i>mastery of self</i>. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Con người đầu tiên được dựng nên trong “<i>tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy</i>”, để chia sẻ sự sống của Thiên Chúa. ▣ Bao lâu họ ở lại trong sự mật thiết với Thiên Chúa, thì họ không đau khổ và chết. ▣ Họ sống trong sự hòa hợp với nhau và với tất cả các thụ tạo. ▣ “Quyền làm chủ” trần gian mà Thiên Chúa đã ban cho con người ngay từ lúc đầu, được thực hiện trước tiên nơi chính con người, là việc <i>làm chủ chính bản thân mình</i>. |
|---|---|

Relationships: Eight Types of Love

Liên hệ: Tám loại Tình Yêu

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Eros - Physical attraction; passionate love. ▣ Ludis - “Players” love; love is a game without commitment. ▣ Philia - Companion or best friend love. ▣ Mania - Obsessive love. ▣ Pragma - Partnership; a love based on mutuality & similar interests. ▣ Hesed - Covenant love; God’s love for us. ▣ Storge - Familial or brotherly/sisterly love. ▣ Agape - Unselfish love; accepting people for who they are. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Eros - Những quyền rũ thể lý; yêu đắm đuối. ▣ Ludis – yêu “Chơi đùa” ; yêu như trò chơi mà không dấn thân. ▣ Philia – Tình yêu bạn bè hay bằng hữu. ▣ Mania - Yêu điên khùng. ▣ Pragma –Hợp tác; tình yêu dựa trên những sở thích tương tự hay giống nhau. ▣ Hesed – Tình yêu Giao Ước; Tình yêu của Thiên Chúa dành cho chúng ta. ▣ Storge - Tình yêu trong gia đình hay giữa anh chị em. ▣ Agape – Tình yêu vô vị lợi; chấp nhận chính con người của người khác. |
|--|---|

What is Sin - Tội là gì?

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. An abuse of the freedom that God gives to reject God and oppose to Him; 2. An offense against reason, truth, and right conscience; 3. Failure in genuine love for God and neighbor caused by a perverse attachment to certain goods; 4. “Love of oneself even to contempt of God.” | <ol style="list-style-type: none"> 1. Lạm dụng sự tự do mà Thiên Chúa ban để chối bỏ Thiên Chúa và chống lại Ngài; 2. Một sự xúc phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính; 3. Thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân do việc ngoan cố dính lứu với những lợi ích nào đó; 4. “Yêu mình đến nỗi coi thường Thiên Chúa”. |
|--|--|

Three Types of Sins – Ba Loại Tội

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Sin as fact</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Original Sin ▪ <i>Sin as act</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Personal sin ▪ <i>Sin as state</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Social sin | <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Tội lỗi là một thực tại</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội Tổ Tông ▪ <i>Tội lỗi là một hành động</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội cá nhân ▪ <i>Tội lỗi là một tình trạng</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tội xã hội |
|---|--|

The main consequences of Original Sin Các hậu quả chính của Tội Nguyên Tổ

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ <i>The consequences of Adam's sin</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ a deprivation of original holiness and justice, ▪ human nature is wounded but has not been totally corrupted ▪ it subject to inclination to evil. | <ul style="list-style-type: none"> ▣ <i>Các hậu quả của tội ông Adam</i> <ul style="list-style-type: none"> ▪ mất tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy, ▪ bản tính con người bị tổn thương nhưng không hoàn toàn sa đọa ▪ nó lệ thuộc vào khuynh hướng dễ làm sự dữ. |
|---|--|

Characteristic of Original Sin – Các đặc tính

- ▣ Original sin is transmitted by the transmission of a human nature deprived of original holiness and justice (404).
- ▣ Human nature was wounded but has not been totally corrupted (405).
- ▣ By the Original sin, the devil has acquired a certain domination over man, even though man remains free.
- ▣ Ignorance of the fact that man has a wounded nature inclined to evil gives rise to serious errors in the areas of education, politics, social action and morals.
- ▣ The whole of man's history has been the story of our combat with the powers of evil.
- ▣ Tội Tổ tông là tội di truyền, lưu truyền một bản tính nhân loại đã mất sự thánh thiện và công chính nguyên thủy (404).
- ▣ Bản tính nhân loại bị thương, nhưng không hoàn toàn bị hủy hoại (405).
- ▣ Vì tội tổ tông, ma quỷ đã có được một quyền thống trị nào đó trên con người, mặc dầu con người vẫn còn tự do.
- ▣ Nếu không biết rằng bản tính nhân loại đã bị tổn thương, bị nghiêng chiều về sự dữ, người ta có thể mắc những sai lầm nghiêm trọng trong các lãnh vực giáo dục, chính trị, hoạt động xã hội và luân lý.
- ▣ Toàn bộ lịch sử của nhân loại là lịch sử của cuộc chiến cam go chống lại quyền lực của sự dữ.

19

The main consequences of Original Sin Các hậu chính quả của Tội Nguyên Tổ

A hard battle. . .

Ignorance of men's inclination to evil gives rise to serious errors in the areas of education, politics, social action and morals. This makes man's life a battle. Man has to struggle to do what is right, he can only succeed with God's grace.

Một cuộc chiến khó khăn. . .

Sự không hiểu biết về khuynh hướng dễ làm sự dữ của con người đưa đến những sai lầm về các bình diện giáo dục, chính trị, hành động xã hội và luân lý. Điều này làm cho đời sống con người trở thành một cuộc chiến. Để làm điều phải, họ chỉ có thể thành công với ân sủng Thiên Chúa.

Other consequences of Original Sin

- | | |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1) Loss of inner peace and harmony (7), 2) Loss of harmony in their relationship with God (8), 3) Loss of harmony between the man and the woman (12-13)' 4) The man and the woman are negatively impacted in their respective roles as "tillers of the earth" and "bearer of children" (vv 16-19)' 5) The earth is wounded. 6) Each of us is born with an inclination towards sin, our natural powers for relating to God and choosing good have been weakened, and our emotions and passions disordered. We live with a certain resistance to the promptings of the Holy Spirit (Cf. CCC 402-409). | <ol style="list-style-type: none"> 1) Mất bình an nội và sự hài hòa tâm (7), 2) Mất sự hòa hợp trong mối liên hệ của họ với Thiên Chúa (8), 3) Mất sự hòa hợp giữa người nam và người nữ (12-13)' 4) Ảnh hưởng cách tiêu cực đến người nam và người nữ trong vai trò của mỗi người như "chăm sóc trái đất" and "cưu mang con cái" (vv 16-19)' 5) Trái đất bị tổn thương. 6) Mỗi người trong chúng ta bị sinh ra với khuynh hướng phạm tội, khả năng tự nhiên để liên hệ với TC và chọn điều tốt bị yếu đi, và cảm xúc cùng đam mê của chúng ta bị xáo trộn. Chúng ta sống trong một sự chống đối nào đó với sự thúc đẩy của CTT (x. GLHTCG 402-409). |
|--|--|

21

Actual Sin – Tội Thật

Anything said, done, or desired contrary to the eternal law (CCC 1849)

▣ Interior

- Thoughts
- Desires

▣ Exterior

- Words
- Deeds
- Omission

bất cứ điều gì nói, làm hay muốn trái với luật vĩnh cửu (CCC 1849)

▣ Bên trong

- Tư tưởng
- Ước muốn

▣ Bên ngoài

- Lời nói
- Việc làm
- Thiếu sót

Actual Sin – Tội Thật

Act is a free, self-determining choice

- We give ourselves a moral identity
- The *being* that we give ourselves by our free choice abides within us as part of our identity, our character
- The reality of sin: this is called the “guilt” or “stain” of sin
- We make ourselves to be the persons we are by the choices that we freely make
- Conversion: die to old self, rise to new self

Hành động là một chọn lựa tự do, tự quyết

- Chúng ta tự cho mình một căn tính luân lý
- *Hữu thể* mà chúng ta tự cho mình bằng sự chọn lựa tự do ở trong chúng ta như một phần của căn tính, cá tính của chúng ta
- Thực tại của tội: được gọi là “lỗi” hay “vết nhơ” của tội
- Chúng ta biến mình thành những con người mình là bằng những chọn lựa chúng ta tự do làm
- Hoán cải: chết cho chính mình, sống lại thành người mới

Sins and Vices – Tội Lỗi và Tật Xấu

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ Personal - my act, my choice, only I can commit this act ▪ Sin as vice – a stable disposition to “evil” – pride, avarice, envy, wrath, lust, gluttony, and sloth <ul style="list-style-type: none"> ▪ Attitudes ▪ Source of actual sin (venial and mortal) ▪ Conquered by grace, prayer and repeated action. | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cá nhân – hành vi của tôi, chọn lựa của tôi, chỉ có tôi có thể phạm ▪ Tội như tật xấu – một khuynh hướng bền vững thiên về “sự dữ” – kiêu ngạo, hà tiện, ghen tỵ, nóng giận, háo sắc, mê ăn uống, và lười biếng <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các thái độ ▪ Nguồn mạch của các tội thật (nhẹ và nặng) ▪ Chinh phục bằng ân sủng, cầu nguyện và các việc lập đi lập lại. |
|---|---|

The proliferation of sin – Sự nảy nở của tội lỗi

Sin is a personal act. But we have a responsibility for the sins committed by others when we cooperate in them

- Direct and volunteered participation
- Ordering, advising, praising, approving
- Not hindering
- Protecting evil-doers

Thus sin makes men accomplices of one another and causes concupiscence, violence, and injustice to reign among them.

Tội là một hành vi cá nhân. Nhưng chúng ta chịu trách nhiệm về các tội người khác phạm khi chúng ta cộng tác vào chúng

- Trực tiếp và cố tình tham gia
- Ra lệnh, cố vấn, khen ngợi, cho phép
- Không ngăn cản
- Che bao kẻ làm sự dữ

Như thế tội lỗi làm cho con người trở thành đồng lõa với nhau, và làm có cho dục vọng, bạo lực, bất công thống trị giữa họ.

Social Sin – Tội Xã Hội (CCC 1869)

- Human beings are social creatures, so every sin has a social dimension
- Specifically, as the result of our cooperation in sins of many
- The accumulation of a series of personal sins can set in motion socio-politico-cultural structures that subsequently operate without any individuals personal direction
- These structures can be gravely sinful
- Con người là thụ tạo xã hội, nên mọi tội đều có chiều kích xã hội
- Đặc biệt là như kết quả của sự cộng tác của chúng ta vào tội của nhiều người
- Việc tích lũy hàng loạt những tội cá nhân có thể bắt đầu những cấu trúc xã hội-văn hóa-chính trị mà sau đó hoạt động không cần sự hướng dẫn của bất cứ cá nhân nào
- Các cấu trúc này có thể rất tội lỗi

Social Sin – Tội Xã Hội (CCC 1869)

- It can come to pass that these structures persist well after the death of all the people who brought them into existence
- This is called “social sin” or “structures of sin” – where the community as a whole bears a responsibility to strive to change what they themselves may not have actively created.
- Có thể các cấu trúc này vẫn tồn tại một thời gian lâu dài sau cái chết của những người tạo ra chúng.
- Điều này được gọi là “tội xã hội” hay “các cấu trúc của tội lỗi”- ở đó toàn thể cộng đồng chịu trách nhiệm nỗ lực thay đổi điều mà chính họ đã không tích cực tạo ra.

The causes of sin – Các nguyên nhân của tội

External causes

- 1) The devil and other evil spirits cannot be the direct causes of sin, but can only induce man to sin
- 2) Other people
 - By carnal generation transmits original sin to one’s offspring
 - By inducing others to sin by suggestion, persuasion, command, seduction, example, etc. (i.e., by scandal)
 - By cooperating in the sins of others

Các nguyên nhân bên ngoài

- 1) Quỷ và những thần dữ khác
Không thể là nguyên nhân trực tiếp của tội nhưng chỉ có thể xúi dục con người
- 2) Những người khác
 - Qua việc sinh sản truyền tội Nguyên Tổ cho con cái mình
 - Làm có cho người khác phạm tội qua việc khuyên bảo, xúi dục, gương xấu, vv. (i.e., gương mù)
 - Qua việc hợp tác với tội lỗi của những người khác

Human Freedom – Tự do của Con Người

CCC 1730-1748

What is the relationship of human freedom to sin? To grace?

- Sin is the misuse of human freedom.
- Grace restores our freedom

GLHTCG 1730-1748

Sự liên hệ giữa sự tự do của con người với tội lỗi là gì? Với ân sủng?

- Tội lỗi là sự lạm dụng sự tự do của con người.
- Ân sủng phục hồi sự tự do của chúng ta

Resistance Temptation – Chống lại cám dỗ

Resistance to temptation is made by an act of the will withholding consent to the suggested sin and by commanding one's powers not to give in to the temptation

- *Explicit*: resolving not to give in to the temptation
- *Implicit*: manifesting contempt or displeasure to the temptation
- *Direct*: by attacking head on the temptation
- *Indirect*: by fleeing from the temptation to some other occupation.

Chống lại cám dỗ được thực hiện bằng hành động của ý chí không chịu đồng ý với đề nghị tội lỗi và ra lệnh cho khả năng của mình không được chịu thua cám dỗ

- *Dứt khoát*: nhất quyết không chiều theo chước cám dỗ
- *Tiềm ẩn*: tỏ ra chống cự hay bất bình với cám dỗ
- *Trực tiếp*: đương đầu với cám dỗ bằng cách tấn công nó
- *Gián tiếp*: chạy trốn cám dỗ bằng cách bận rộn với việc khác.

The Danger of Sin and Occasion of Sin Nguy hiểm của Tội Lỗi và Dịp Tội

Exposure to the danger of sin can be sinful itself. The likelihood that sin will be committed in certain circumstances.

- ▣ Grave: Exposure is rash + danger is grave & proximate: when moral certainty is had that sin will be committed
 - Absolute: generally shared by all
 - Relative: for a particular individual
- ▣ Venial: Exposure is rash + danger is grave/remote or venial/proximate: not morally certainty, but some likelihood.

Việc đặt mình vào nguy cơ phạm tội có thể là tội. Trong nhiều hoàn cảnh nào đó người ta có thể phạm tội.

- Trọng: Đặt mình vào cách cầu thả + nguy hiểm trầm trọng & kề bên: khi chắc chắn theo luân lý là sẽ phạm tội
 - Tuyệt đối: cách chung mọi người đồng ý
 - Tương đối: cho một cá nhân riêng
- Nhẹ: Đặt mình vào cách cầu thả + nguy hiểm trầm trọng/xa hay nhẹ/kề bên : không chắc chắn về luân lý, nhưng có thể.

Justification – Công Chính Hóa

Justification is the grace of the Holy Spirit to justify us through faith in Jesus Christ and through Baptism.

Through the power of the Holy Spirit we take part in Christ's Passion by dying to sin.

The first work of the grace of the Holy Spirit is *conversion*. Moved by grace, man turns toward God and away from sin, thus accepting forgiveness and righteousness.

Justification is conferred in Baptism

Công chính hóa là ân sủng Chúa Thánh Thần làm cho ta trở nên công chính nhờ tin vào Đức Kitô qua bí tích Rửa Tội. Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, ta được tham dự vào cuộc Thương Khó của Đức Kitô bằng cách chết cho tội lỗi.

Công trình đầu tiên Chúa Thánh Thần là *sự hoán cải*. Được ân sủng tác động, con người từ bỏ tội lỗi và quay về với Thiên Chúa, nhờ đó nhận ơn tha thứ và sự công chính.

Ơn công chính hóa được trao ban trong Bí tích Rửa Tội.

Justification – Công Chính Hóa

Justification establishes cooperation between God's grace and man's freedom.

On man's part it is expressed by the assent of faith to the Word of God, which invites him to conversion, and in the cooperation of charity with the prompting of the Holy Spirit.

Justification is the most excellent work of God's love made manifest in Christ Jesus and granted by the Holy Spirit.

Ơn công chính hóa thiết lập sự cộng tác giữa ân sủng Thiên Chúa và sự tự do của con người.

Về phía con người, ơn này được biểu lộ qua sự bằng lòng tin theo lời Thiên Chúa mời gọi hoán cải, và cộng tác bằng đức ái với tác động của Chúa Thánh Thần.

Công chính hóa là công trình tuyệt diệu nhất của tình yêu Thiên Chúa được tỏ lộ trong Chúa Giêsu Kitô và được ban bởi Chúa Thánh Thần.

Grace – Ân Sủng

Grace is favor, the free and undeserved help that God gives us to respond to his call to become children of God.

Grace is a participation in the life of God. By Baptism the Christian participates in the grace of Christ, the Head of his Body.

The grace of Christ is the gratuitous gift that God makes to us of his own life, infused by the Holy Spirit into our soul.

Ân sủng là một ân huệ, một sự trợ giúp nhưng không mà Chúa ban để ta trở thành con cái Ngài.

Ân sủng là sự tham dự vào đời sống Thiên Chúa. Nhờ bí tích Rửa Tội, Kitô hữu thông phần vào ân sủng của Đức Kitô, Đầu của Thân Thể. .

Ân sủng của Đức Kitô là ân huệ nhưng không mà Thiên Chúa ban cho ta sự sống Ngài, được CTT đổ vào lòng ta. .

Grace – Ân Sủng

Sanctifying grace is an habitual gift that perfects the soul to enable it to live with God, to act by his love.

Habitual grace, the permanent disposition to live and act in keeping with God's call.

Actual graces are God's interventions, whether at the beginning of conversion or in the course of the work of sanctification.

Ơn thánh hóa là một ơn thường sủng, hoàn thiện hóa linh hồn để có thể sống với Thiên Chúa và hành động nhờ tình yêu của Ngài.

Ơn thường sủng là trạng thái thường xuyên để sống và làm theo tiếng gọi của Thiên Chúa.

Ơn hiện sủng là những can thiệp của Thiên Chúa dù lúc khởi đầu cuộc hoán cải hoặc trong công trình thánh hóa.

Grace – Ân Sủng

Grace also includes the gifts that the Spirit grants us to associate us with his work, to enable us to collaborate in the salvation of others and in the growth of the Church.

- ▣ Sacramental graces, gifts proper to the different sacraments.
- ▣ Charisms are intended for the common good of the Church.
- ▣ Graces of state that accompany the exercise of the responsibilities of the Christian life and of the ministries within the Church

Ân sủng cũng bao gồm các ơn mà Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta để cộng tác và công trình của Ngài, để giúp chúng ta có thể cộng tác vào việc cứu độ tha nhân và phát triển Hội Thánh.

- Các ân sủng bí tích, các ơn thích hợp với các bí tích khác nhau.
- Các đặc sủng nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung của Hội Thánh.
- Các ơn chức phận đi kèm với việc thi hành các nhiệm vụ của đời sống Kitô hữu và các thừa tác vụ trong lòng Hội Thánh .

“Punishments” due to sin - Hình Phạt do tội gây ra

“Must not be conceived as a kind of vengeance inflicted by God from without, but as following from the very nature of sin” (CCC 1472).

- Eternal
 - Destruction of communion with God
 - Healed through sacramental reconciliation
- Temporal
 - Unhealthy attachment to things
 - Even after forgiveness is granted, these remain and are in need of purification.

“Không được coi như một loại trả thù gây ra bởi Thiên Chúa từ bên ngoài, nhưng như kèm theo bởi chính bản chất của tội” (CCC 1472).

- Đòi đòi
 - Phá hủy sự hiệp thông với Thiên Chúa
 - Được chữa lành nhờ bí tích Hòa Giải
- Tạm thời
 - Quyến luyến lệch lạc với sự vật
 - Ngay cả sau khi được tha tội, các hình phạt này vẫn tồn tại và cần phải được thanh luyện.

“Redemption and Salvation – Cứu Chuộc và Cứu Độ

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ▣ Redemption is being freed from the slavery of sin. ▣ Salvation is the restoration of the original will for humanity, i.e. the process of becoming fully human in the way that Jesus uniquely was | <ul style="list-style-type: none"> ▣ Cứu Chuộc là được giải thoát khỏi nô lệ tội lỗi. ▣ Salvation is the restoration of the original will for humanity, i.e. the process of becoming fully human in the way that Jesus uniquely was |
|---|---|

Conversion as Command and Possibility Hoán Cải như Mệnh Lệnh và Khả Năng

Conversion requires convincing of sin; it includes the interior judgment of conscience, and this, being a proof of the action of the Spirit of truth in man's inmost being, becomes at the same time the start of a new grant of grace and love: "Receive the Holy Spirit"

(Dominum et Vivificantem, #31).

Sự hoán cải đòi phải nhận thức về tội lỗi; nó bao gồm việc phán đoán bên trong của lương tâm, và điều này, là bằng chứng về hành động của Thần Chân Lý nơi tận đáy lòng con người, đồng thời bắt đầu ban ân sủng và tình yêu mới: "Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần"

(Dominum et Vivificantem, số 31).

Repentance and Conversion as Command Ăn năn Hoán Cải như Mệnh Lệnh

Jesus and conversion

- Jesus' moral demands - call to live a moral life
- Jesus' demand for repentance - call to turn from sin to God
- Jesus' demand for faith - call to believe God's mercy
- Jesus' demand for discipleship - call to live his love

Chúa Giêsu và hoán cải

- Đòi hỏi luân lý của Chúa Giêsu – mời gọi sống một đời sống luân lý
- Đòi hỏi hoán cải của Chúa Giêsu – mời gọi bỏ tội lỗi và quay về với TC
- Đòi hỏi đức tin của Chúa Giêsu – - mời gọi tin vào lòng thương xót của Thiên Chúa
- Đòi hỏi làm môn đệ của Chúa Giêsu – mời gọi sống tình yêu của Người

Repentance and Conversion as Possibility Ăn năn Hoán Cải như Khả Năng

Conversion is – learning, growing in love of God

- Letting God work in us over time
- Constant struggle to be “dead to sin and alive to God in Christ Jesus.” (Rom 6:11)
- Made possible by grace, requiring cooperation
- Metanoia – change of heart

Hoán cải là – học, lớn lên trong tình yêu của Thiên Chúa

- Dần dần để Thiên Chúa làm việc trong chúng ta
- Luôn luôn cố gắng “chết cho tội lỗi và sống cho Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô.” (Rom 6:11)
- Có thể làm được nhờ ân sủng, cần sự hợp tác
- Metanoia – thay đổi tâm hồn

Merit – Công Phức

The merit of man before God in the Christian life arises from the fact that God has freely chosen to associate man with the work of his grace.

- ▣ The merits of our good works are gifts of the divine goodness. No one can merit the initial grace of forgiveness and justification, at the beginning of conversion.
- ▣ The charity of Christ is the source in us of all our merits before God.

Công phúc của con người trước Thiên Chúa trong đời sống Kitô hữu phát sinh từ việc Thiên Chúa đã tự do cho con người cộng tác với ân sủng của Ngài.

- Công trạng của việc làm của ta là hồng ân của lòng lành Thiên Chúa. Không ai có công để nhận ân sủng mở đầu cho ơn tha thứ và công chính hóa khi mới hoán cải.
- Tình yêu Đức Kitô trong ta là nguồn mọi công trạng của ta trước mặt TC.

Christian Holiness Sự Thánh Thiện của Kitô hữu

All Christians are called to holiness.

- ▣ In order to reach this perfection the faithful should use the strength dealt out to them by Christ's gift to do the will of the Father in everything.
- ▣ Spiritual progress tends toward ever more intimate union with Christ.
- ▣ The way of perfection passes by way of the Cross. There is no holiness without renunciation and spiritual battle.

Tất cả mọi Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh.

- Để đạt được sự hoàn hảo này, các tín hữu phải dùng sức mạnh mà hồng ân của Đức Kitô đã ban để làm theo thánh ý Chúa Cha trong mọi sự.
- Sự tiến triển thiêng liêng hướng đến việc càng ngày càng kết hợp mật thiết hơn với Đức Kitô.
- Con đường tiến đến hoàn thiện phải qua Thập Giá. Không tài nào đạt được sự thánh thiện, nếu không từ bỏ chính mình và chiến đấu nội tâm.

Closing Prayer

O loving and gracious God,/ Father of all,/ you bless your people in every time and season/ and provide for their needs through your providential care./ Your Church is continually in need of priests, deacons, sisters and brothers/ to offer themselves in the service of the Gospel by lives of dedicated love.

Open the hearts of your sons and daughters/ to listen to your call in their lives./ Give them the gift of understanding/ to discern your invitation/ to serve you and your Church./ Give them the gift of courage to follow your call./

May they have the spirit of young Samuel/ who found fulfillment in his life/ when he said to you,/ "Speak Lord, for your servant is listening."/ We ask this through Jesus Christ,/ our Lord and Redeemer./ Amen./